

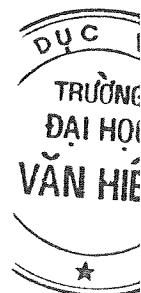
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

THÔNG BÁO

**Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm,
trung cấp sư phạm năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2021- 2022	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm	25.000.000	75.000.000
	Ngành Văn học Việt Nam	Triệu đồng/năm	25.000.000	75.000.000
	Ngành Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	76.700.000	230.000.000
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
	Ngành Văn học Việt Nam	Triệu đồng/năm	19.500.000	39.000.000
	Ngành Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	34.000.000	68.000.000
	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	Triệu đồng/năm	34.000.000	68.000.000
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Piano	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Thanh nhạc	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Tài chính – Ngân hàng	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Kế toán	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Kinh tế	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Công nghệ sinh học	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Công nghệ thực phẩm	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Công nghệ thông tin	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Truyền thông đa phương tiện	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Luật	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Thương mại điện tử	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Khoa học máy tính	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Quản trị khách sạn	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm học 2021-2022	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Du lịch	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Điều dưỡng	Triệu đồng/năm		
	Quan hệ công chúng	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Tâm lý học	Triệu đồng/năm	29.750.000	119.000.000
	Giáo dục Mầm non	Triệu đồng/năm		
	Xã hội học	Triệu đồng/năm	24.750.000	99.000.000
	Văn hóa học	Triệu đồng/năm	24.750.000	99.000.000
	Văn học	Triệu đồng/năm	24.750.000	99.000.000
	Đông phương học	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Ngôn ngữ Nhật	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Ngôn ngữ Trung Quốc	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Ngôn ngữ Pháp	Triệu đồng/năm	24.750.000	99.000.000
	Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	32.250.000	129.000.000
	Việt Nam học	Triệu đồng/năm	24.750.000	99.000.000
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm	-	-
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm	-	-
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm	-	-
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm	-	-
3	Đại học	Triệu đồng/năm	-	-
	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Triệu đồng/năm	20.223.000	40.446.000
	Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	20.223.000	40.446.000
	Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	20.223.000	40.446.000
	Công nghệ thông tin	Triệu đồng/năm	20.223.000	40.446.000
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm	-	-
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm	-	-



STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2021-2022	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	-	-
2	Từ học phí	Tỷ đồng	309	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	-	-
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	1	-

TP. Hồ Chí Minh., ngày 02 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



TS. TỪ MINH THIỆN

